Ngày soạn: 8/10/2026
Tiết: 17

BÀI ÔN TẬP GIỮA KỲ 1

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

***1.Về mục tiêu*:**

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

-Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi "nhanh tay nhanh mắt"

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 5

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi "nhanh tay nhanh mắt"

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học
- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư để củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 5

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau
- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra
- Hình thức kiểm tra
- Thời gian kiểm tra
- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

CÂU HỎI THAN KHẢO

Câu 1: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

A. đầu cơ tích trữ nâng giá .
B. hủy hoại môi trường.
C. khai thác cạn kiệt tài nguyên.
D. giành nguồn nguyên liệu thuận lợi.

Câu 2: Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

A. quan hệ gia đình.
B. chính sách đối ngoại.
C. chất lượng sản phẩm.
D. chính sách hậu kiểm.

Câu 3: Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

A. ganh đua. **B.** thỏa hiệp. **C.** thỏa mãn. **D.** ký kết.

Câu 4: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

A. giành thị trường có lợi để bán hàng.
B. tăng cường độc chiếm thị trường.
C. Làm cho môi trường bị suy thoái.
D. Tiếp cận bán hàng trực tuyến.

Câu 5: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy
A. lao động. **B.** thị trường. **C.** lợi nhuận. **D.** nhiên liệu.
Câu 6: Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những
A. nguyên nhân của sự giàu nghèo. **B.** nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
C. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa. **D.** tính chất của cạnh tranh.
Câu 7: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường giá cả tăng thì xảy ra trường hợp nào sau đây?
A. Cung tăng, cầu giảm. **B.** Cung giảm, cầu tăng.
C. Cung và cầu giảm. **D.** Cung và cầu tăng.
Câu 8: Cầu và giá cả có mối quan hệ như thế nào?
A. Giá cao thì cầu giảm. **B.** Giá cao thì cầu tăng.
C. Giá tăng thì cầu tăng. **D.** Giá thấp thì cầu thấp.
Câu 9: Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?
A. Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.
B. Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.
C. Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.
D. Công ty B soạn thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.
Câu 10: Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?
A. Chi phí sản xuất. **B.** Giá cả.
C. Năng suất lao động. **D.** Nguồn lực.
Câu 11: Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là
A. cầu. **B.** tổng cầu. **C.** tổng cung. **D.** cung.
Câu 12. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và
A. khả năng xác định. **B.** sản xuất xác định. **C.** nhu cầu xác định. **D.** thu nhập xác định.
Câu 13. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?
A. Cung giảm xuống. **B.** Cung tăng lên. **C.** Cung không đổi. **D.** Cung bằng cầu.
Câu 14: Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang
A. trưởng thành. **B.** phát triển. **C.** thất nghiệp. **D.** tự tin.
Câu 15: Trong nền kinh tế, việc phân chia thất nghiệp thành thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện là căn cứ vào
A. tính chất của thất nghiệp. **B.** nguồn gốc thất nghiệp.
C. chu kỳ thất nghiệp. **D.** cơ cấu thất nghiệp.
Câu 16: Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất của thất nghiệp thì thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp
A. tự giác. **B.** quyền lực. **C.** không tự nguyện. **D.** luôn bắt buộc.
Câu 17: Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức
A. thất nghiệm cơ cấu. **B.** thất nghiệm tạm thời.
C. thất nghiệp tự nguyện. **D.** thất nghiệm chu kỳ.
Câu 18: Loại hình thất nghiệp tương ứng với từng giai đoạn trong chu kỳ kinh tế được gọi là
A. thất nghiệp tự nguyện. **B.** thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tự nhiên. **D.** thất nghiệp chu kỳ.
Câu 19: Với loại hình thất nghiệp chu kỳ, khi nền kinh tế rơi vào suy thoái thì tỷ lệ thất nghiệp thường có xu hướng
A. cao. **B.** thấp. **C.** giữ nguyên. **D.** cân bằng.
Câu 20: Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố nào dưới đây?
A. Thu nhập. **B.** Địa vị. **C.** Thăng tiến. **D.** Tuổi thọ.
Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Chị Y và nhóm bạn của mình đang thất nghiệp. Chị Y đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp nhưng làm nhân viên hành chính cho một cơ sở giáo dục. Sau một thời gian làm việc, chị quyết định thôi việc để đi tìm công việc mới phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Anh X bị doanh nghiệp cho thôi việc do vi phạm kỉ luật lao động nhiều lần, anh T bị mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh. Đâu không phải là nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp trong các trường hợp trên?

A. Do không hài lòng với công việc. **B.** Do vi phạm kỷ luật lao động.

C. Do cơ sở kinh doanh đóng cửa. **D.** Do mất cân đối cung cầu lao động.

Câu 2: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, nhiều ngành nghề mới ra đời, các ngành nghề cũ thiếu đơn hàng bị mai một dần. Điều này khiến cho một bộ phận người lao động rơi vào tình cảnh thất nghiệp. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp trong trường hợp này là do

A. Do không hài lòng với công việc. **B.** Do vi phạm kỷ luật lao động.

C. Do sự vận động của nền kinh tế. **D.** Do mất cân đối cung cầu lao động.

Câu 3: Công ty B do chậm ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nên sản phẩm làm gia không có sức cạnh tranh, hàng hóa không bán được dẫn đến hoạt động sản xuất bị đình trệ. Điều này khiến hàng ngàn người lao động trong công ty bị mất việc, đời sống khó khăn, ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần; mất phương hướng trong tìm kiếm sinh kế. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của người lao động trong trường hợp này là do yếu tố nào dưới đây?

A. Do năng lực của người lao động. **B.** Do sự mất cân đối cung cầu.

C. Do người lao động thiếu kỹ năng. **D.** Do cơ sở sản xuất đóng cửa.

Câu 4: Sau khi tốt nghiệp Đại học, anh D làm hồ sơ dự tuyển vào một công ty. Anh không được nhận vào làm việc do không đáp ứng được nhiều yêu cầu của công ty. Còn chị H sau khi ra trường đã nộp hồ sơ năng lực để dự tuyển vào công ty X và được nhận vào thử việc 3 tháng. Sau 3 tháng do hạn chế về năng lực chị H không được công ty ký hợp đồng chính thức nên đã chủ động đi tìm công việc mới. Nguyên nhân dẫn đến việc anh D và chị H thất nghiệp là do yếu tố nào dưới đây?

A. Do không hài lòng với công việc. **B.** Do sự vận động của nền kinh tế.

C. Do vi phạm kỷ luật lao động. **D.** Do năng lực còn hạn chế.

Câu 5: Hiện nay trên các tuyến phố, các cửa hàng ở thành phố X có các chương trình giảm giá, khuyến mãi từ 50% đến 70% nhiều mặt hàng để kích thích tiêu dùng. Xét về mặt quan hệ cung cầu thì các cửa hàng này đã vận dụng tốt quan hệ nào dưới đây

A. Giá cả tăng cung tăng. **B.** Giá cả giảm cầu tăng.

C. Giá cả ảnh hưởng tới cung cầu. **D.** Cung cầu ảnh hưởng tới giá cả.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI:

Câu 1:

Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện "phủ sóng" tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

a) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.

b) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.

c) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp với vai trò của cạnh tranh.

d) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công ty H chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Hai tháng gần đây, trên thị trường xuất hiện nhiều sản phẩm mới của các công ty, tập đoàn may mặc có thương hiệu trong và ngoài nước với kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, chất liệu vải đẹp, giá cũng hấp dẫn hơn khiến doanh thu bán hàng của công ty H sụt giảm. Ban Giám đốc công ty phải nhanh chóng đưa ra các giải pháp: tìm kiếm thêm nguồn vải có hoạ tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trưởng, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Công ty H và các công ty khác cùng cạnh tranh nhau về sản phẩm hàng may mặc. Đúng, *ở đây có nhiều chủ thể cùng kinh doanh một loại hàng hóa.*

b) Việc Ban giám đốc đưa ra các giải pháp để thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường là phù hợp với quy luật cạnh tranh. *Đúng, đây là những biện pháp cạnh tranh lành mạnh không vi phạm pháp luật, mang lại hiệu quả cao.*

c) Điều kiện sản xuất của công ty H và các công ty khác là khác nhau nên họ cạnh tranh nhau là hợp lý. *Đúng, vì điều kiện sản xuất khác nhau, nên họ phải tích cực cạnh tranh nhau để thu lợi nhuận về mình.*

d) Để cạnh tranh được với đối thủ, các chủ thể sản xuất kinh doanh được sử dụng mọi biện pháp để giành thắng lợi trong cạnh tranh. *Sai, chỉ được sử dụng các biện pháp lành mạnh được pháp luật cho phép.*

Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Do ảnh hưởng của cơn bão số 10, các tỉnh miền Trung bị thiệt hại nặng nề dẫn đến việc khan hiếm về lương thực, thực phẩm và đẩy giá một số hàng lương thực, thực phẩm tăng cao. Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng đã tích cực đưa ra các giải pháp như hỗ trợ chi phí, hạn chế xuất khẩu, đặc biệt là chỉ đạo các doanh nghiệp đầu mối chủ động điều tiết nguồn hàng nhằm góp phần bình ổn giá.

a) Cung giảm dẫn đến giá cả hàng hóa một số mặt hàng tăng cao. *Đúng, vì do ảnh hưởng của cơn bão số 10 nên nguồn cung cấp bị gián đoạn.*

b) Người dân cần điều chỉnh thói quen tiêu dùng để phù hợp với quan hệ cung cầu. *Đúng, người tiêu dùng có thể chuyển sang dùng một số hàng hóa tương đương nhưng giá cả thấp hơn để phù hợp trước mắt.*

c) Tăng nguồn cung là giải pháp duy nhất để ổn định thị trường. *Sai, ngoài tăng nguồn cung, nhà nước cần có các chính sách bình ổn khác như: giảm thuế, hỗ trợ nhập khẩu, kiểm soát giá cả để ổn định thị trường.*

d) Việc ổn định quan hệ cung cầu là trách nhiệm của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế. *Sai, ngoài chủ thể nhà nước thì các chủ thể sản xuất và người tiêu dùng đều có trách nhiệm trong việc ổn định quan hệ cung cầu.*

Câu 4: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vào thời điểm gần Tết Trung thu, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường.

a) Thông tin trên thể hiện mối quan hệ cầu tăng dẫn đến cung tăng. *Đúng, khi nhu cầu tăng người sản xuất mở rộng sản xuất.*

c) Quan hệ cung cầu đã giúp các chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định hợp lý. *Đúng, các chủ thể sản xuất đã căn cứ vào quan hệ cung cầu để kịp thời điều chỉnh sản xuất cho phù hợp.*

c) Việc có nhiều doanh nghiệp chuyển sang sản xuất bánh trung thu sẽ góp phần làm cho giá cả mặt hàng này giảm xuống. *Đúng, vì cung tăng sẽ thúc đẩy giá cả giảm*.

d) Tính thời vụ là yếu tố ảnh hưởng nhất tới cung về thị trường bánh trung thu. *Đúng, vì đặc thù của bánh trung thu chỉ có nhu cầu lớn nhất và dịp Tết Trung thu.*

Câu 5: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vào dịp cuối năm nắm bắt tâm lý do nhu cầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ của người dân tănng cao vì vậy giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dần. Đồng thời, do ảnh hưởng thị trường thế giới, giá xăng trong nước cũng được điều chỉnh tăng qua nhiều lần làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp. Điều này làm cho giá cả hàng hoá, dịch vụ đồng loạt tăng cao, tạo sức ép lớn lên tỉ lệ lạm phát.

a) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát là do chi phí đầu vào giảm. *Sai, nguyên nhân dẫn đến lạm phát ở đây là do chi phí đầu vào tăng khiến giá thành tăng.*

b) Giá cả các yếu tố đầu vào của hàng hóa tăng cao sẽ tác động cả đến nguồn cung và cầu về hàng hóa. *Đúng, giá cả tăng cao sẽ khiến các ngành sản xuất cũng khó mở rộng sản xuất, giá tăng cao người tiêu dùng hạn chế mua sắm*

c) Nhà nước sử dụng công cụ tiền tệ để kiềm chế sự tăng giá của một số mặt hàng. *Sai, trong trường hợp này nhà nước sử dụng công cụ thuế để hạ nhiệt sự tăng giá.*

d) Giá cả các yếu tố đầu vào của các ngành sản xuất tăng, sẽ giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp. *Đúng, vì giá cả đầu vào tăng sẽ làm giá bán hàng hóa tăng từ đó giảm năng lực cạnh tranh.*

Câu 6: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy "chóng

mặt" vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

a) Chi phí sản xuất tăng cao là là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát. *Đúng vì chi phí sản xuất tăng cao, các doanh nghiệp sẽ tính vào giá bán từ đó làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.*

b) Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa. *Đúng, người tiêu dùng sẽ thay đổi hành vi tiêu dùng, tìm tới các sản phẩm có giá cả phù hợp*

c) Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn. *Đúng, vì giá cả tăng làm cho chi phí sinh hoạt tăng.*

d) Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân. *Sai, đây chỉ làm biện pháp tạm thời, nhà nước cần sử dụng công cụ tiền tệ như thuế để giảm*

Câu 7: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp B vì năng lực chuyên môn không đáp ứng, chị M tìm tới trung tâm giới thiệu việc làm ở gần nhà. Cán bộ trung tâm đã tận tình hướng dẫn cho chị thủ tục và quy trình làm hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Hồ sơ xin trợ cấp thất nghiệp của chị hội đủ điều kiện hưởng ba tháng trợ cấp thất nghiệp. Sau đó, hằng tháng, cán bộ cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp rất thuận lợi, nhanh chóng. Nhờ đó, chị đỡ lo một phần cuộc sống và cố gắng sớm tìm được việc làm trong thời gian ba tháng.

a) Loại hình thất nghiệp của chị M là thất nghiệp tự nguyện. *Sai, đây là thất nghiệp do cơ cấu, chị B bị chấm dứt vì năng lực chuyên môn không đáp ứng.*

b) Bảo hiểm thất nghiệp là biện pháp an sinh xã hội giúp hạn chế hậu quả do thất nghiệp gây ra. *Đúng, vì góp phần hỗ trợ một phần thu nhập trong thời gian tìm việc làm mới.*

c) Chị M được nhận bảo hiểm thất nghiệp đến khi chị tìm được việc làm mới. *Sai, chị M chỉ đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp ba tháng.*

d) Nâng cao trình độ chuyên môn là giải pháp giúp chị M có công việc ổn định sau này. *Đúng vì đây là xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động hiện naygiá hàng hóa.*

chuyển dịch của thị trường lao động.

Câu 8: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ông D – trợ lí văn phòng tại công ty xuất khẩu thuỷ sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhân công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm li chán nản...

a) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu. *Sai, nguyên nhân ông thất nghiệp là do doanh nghiệp đóng cửa.*

b) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu. *Đúng, vì do biến động về cơ cấu kinh tế, doanh nghiệp bị phá sản.*

c) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện. *Sai, đây là thất nghiệp cơ cấu, do sự biến động của cơ cấu kinh tế dẫn đến lao động bị dôi dư.*

d) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai. *Đúng, khiến cho thu nhập của cả 2 người giảm sút.*

==========